

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyệt,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Th; địa chỉ: Số 678 Tr, Tổ K3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T; địa chỉ: Số 678 Tr, Tổ K3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 21-01-2019 và Bản tự khai ngày 24-01-2019, nguyên đơn là chị Ngô Thị Th (chị Th) trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị xây dựng hạnh phúc với anh Phạm Văn T (anh T) trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2007 nhưng đến ngày 14-6-2011 anh chị mới đến Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng lớn tới cuộc sống, sinh hoạt, mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung, anh chị có 02 con là Phạm Xuân H sinh

ngày 21-12-2007 và Phạm Thị Thu Ng sinh ngày 19-5-2014. Chị Th nhận trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ, chị Thấm không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24-01-2019, bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày hoàn toàn thống nhất với nguyên đơn về điều kiện, thời điểm, địa điểm xây dựng hạnh phúc, quá trình chung sống và đăng ký kết hôn, nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn. Anh T cũng xác định do mâu thuẫn đã căng thẳng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với chị Th. Về con chung, anh Tân cũng thống nhất có 02 con và họ tên, ngày tháng năm sinh của các con như chị Th đã trình bày, anh T đề nghị giao 02 con cho chị Th nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ, anh T không đề nghị xem xét. Sau đó anh T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T xin xét xử vắng mặt.

Tại Biên bản xác minh ngày 11-02-2019, Biên bản xác minh ngày 15-02-2019, gia đình, địa phương nơi chị Th và anh T cư trú cung cấp: Anh T có mặt tại gia đình, địa phương. Tình trạng, mức độ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã kéo dài nhiều năm, rất căng thẳng và không còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết theo nguyện vọng của nguyên đơn. Về con chung nên giao 02 con cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng vì từ trước tới nay các cháu vẫn ở với chị Th và được nuôi dưỡng, ăn học, chăm sóc chu đáo. Tại Biên bản lấy lời khai của con chưa thành niên ngày 24-01-2019, cháu Phạm Xuân H sinh ngày 21-12-2007 trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ để tiện cho việc học tập, sinh hoạt.

Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân chị xin được ly hôn với anh T; về con chung, chị nhận nuôi 02 con đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chị Th không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời khai.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án nhân dân quận K đã xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, thẩm quyền, thời hạn giải quyết vụ án, tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều được thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 173, Điều 177, Điều 203, Điều 208, Điều 209, Điều 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các điều 70, 72 và 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề xuất việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Đề nghị

giao 02 con chung là Phạm Xuân H sinh ngày 21-12-2007 và Phạm Thị Thu Ng sinh ngày 19-5-2014 cho chị Ngô Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ, chị Th và anh T đều không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Th có Đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án và cư trú tại số 678 Tr, Tổ K3, phường N, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân quận K thụ lý vụ án vào ngày 21-01-2019 và có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 04-03-2019 là đúng thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục giải quyết vụ án: Sau khi nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân quận K, anh T đã viết bản tự khai trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu của nguyên đơn. Sau đó anh T vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đó là ý chí tự nguyện của anh T, phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Trong các bản tự khai, biên bản xác minh và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện nội dung chị Th và anh T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào đầu năm 2007 nhưng đến ngày 14-6-2011 anh chị mới đến Ủy ban nhân dân phường N, quận K, thành phố Hải Phòng đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Đăng ký kết hôn số:46/2011; quyền số: 01/2011). Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi chung sống được một thời gian giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai người không hợp nhau, thiếu tôn trọng nhau, thường xuyên xảy ra va chạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống, sinh hoạt. Anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị được ly hôn. Như vậy chị Th và anh T không còn yêu thương, quý trọng nhau, không tìm được tiếng

nói chung trong cuộc sống, mức độ mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Th được ly hôn anh T.

[5] Về con chung và vấn đề cấp dưỡng con chung: Chị Th và anh T đều thống nhất giao 02 con chung là Phạm Xuân H sinh ngày 21-12-2007 và Phạm Thị Thu Ng sinh ngày 19-5-2014 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, có cơ sở, phù hợp với những ý kiến đã được tham khảo, phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và để đảm bảo lợi ích, tâm lý và sự phát triển về mọi mặt khác của con nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Chị Th và anh T đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Th là nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Th và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Xuân H sinh ngày 21 tháng 12 năm 2007 và Phạm Thị Thu Ng sinh ngày 19 tháng 5 năm 2014 cho chị Ngô Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, trừ khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Ngô Thị Th và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con

có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Ngô Thị Th và anh Phạm Văn T không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Th phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010464 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Ngô Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND p. Nam Sơn, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

